

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP ĐỨC
TỈNH QUẢNG NAM**
Bản án số: **21/2019/HS-ST**
Ngày: 29/10/2019

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP ĐỨC, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Nguyễn Tiến Lãnh;**

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Nguyễn Công Thành;**

+ Ông **Lê Minh Xây;**

- Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Quốc Tuấn Huy;** Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên toà: Ông **Trần Công Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Phan Minh X; Sinh ngày 14/8/1996 tại thôn T, xã Q, huyện H, tỉnh Q;

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện H, tỉnh Q; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Văn Q; Sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957; gia đình có 06 anh chị em ruột; chưa có vợ con. Về nhân thân: Ngày 08/01/2015, bị Tòa án nhân dân tỉnh Q xử phạt 18 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; Ngày 18/5/2017, bị UBND thị trấn T, huyện H, tỉnh Q xử phạt hành chính về hành vi “Cố ý gây tổn hại sức khỏe người khác”. Tiền án; Tiền sự: Không. Ngày 26/08/2019, bị Cơ quan CSĐT Công an huyện H ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Bị hại: Chị **Phạm Thị Q;** Sinh năm: 1969; Địa chỉ: Khôi phố Ph, phường A, thành phố T, tỉnh Q. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Phan Văn N; sinh năm 1993; Trú tại Thôn T, xã Q, huyện H, tỉnh Q. Có mặt.

+ Ông Nguyễn Minh Tr; Sinh năm 1954; Tạm trú tại Thôn T, xã Q, huyện H, tỉnh Q. Vắng mặt.

+ Chị Vũ Thị H; Sinh năm 1984; Trú tại Thôn P, xã Q, huyện H, tỉnh Q. Có mặt.

- Người làm chứng:

+ Anh Lê Đình K; Sinh năm 2002; Trú tại Thôn T, xã Q, huyện H, tỉnh Q. Có mặt.

- Người giám hộ:

+ Chị Phan Thị H; Trú tại: Thôn T, xã Q, huyện H, tỉnh Q. Có mặt.

- Vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa: Không.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 01/8/2019, Phan Minh X mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, Biển kiểm soát (BKS) 92K1- 083.64 của anh ruột là Phan Văn N nói là để đi chơi. Sau đó, X điều khiển xe mô tô 92 K1 – 083.64 đi từ nhà X đến trước lán trại bà Phạm Thị Q tại khu vực công trình thủy điện Sông Tranh 4, thuộc thôn T, xã Q, huyện H, tỉnh Q để chơi (X là công nhân làm việc cho bà Q).

Khi đến nơi, X mở cửa bước vào lán trại, thấy ông Nguyễn Minh Tr (SN:1954, trú tại: Khu phố 6, thị xã C, tỉnh T) là người quản lý vật tư, tài sản đang ngủ, X phát hiện 02 cuộn dây điện dùng để hàn bỏ bên trong bao lát màu trắng sát vách ngăn phòng ông Tr ngủ và 01 cuộn dây dùng để hàn bỏ trong bao lát màu trắng ở gần sập giường phía gần bồn nước sinh hoạt. X nảy sinh ý định trộm 03 cuộn dây dùng để hàn, bán phế liệu kiếm tiền tiêu xài cá nhân. Ngay sau đó, X dùng tay xách lần lượt 02 bao lát màu trắng có chứa 03 cuộn dây điện dùng để hàn và sử dụng xe mô tô BKS: 92K1-083.64 vận chuyển đến nhà bà Vũ Thị H (SN: 1984, trú: Thôn P, Q, H, Q) là người thu mua phế liệu để bán. Khi đến nơi, X gọi bà H ra trước sân và nói “Có mấy đoạn dây hàn cũ không sử dụng nữa nên bán ”, bà H đồng ý mua và cân được 38,5 kg, đưa cho X số tiền: 2.850.000 đồng (Hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng). Sau khi lấy tiền, Xuân điều khiển xe mô tô BKS: 92K1- 083.64 về lại lán trại bà Phạm Thị Q ngủ đến sáng hôm sau X về lại nhà mình. Đến ngày 03/8/2019, ông Tr phát hiện mất 03 cuộn dây dùng để hàn nên đã báo cho bà Q làm đơn báo cáo Cơ

quan Công an. Đến ngày 06/8/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện H xác minh và tạm giữ 02 bao lát có chứa 03 đoạn dây dùng để hàn nói trên tại nhà bà Vũ Thị H.

Tại kết luận định giá số 12/KL-HĐĐG ngày 09/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện H kết luận giá trị 03 đoạn dây dùng để hàn có giá trị 11.643.500 đồng (Mười một triệu, sáu trăm, bốn mươi ba nghìn, năm trăm đồng).

Trong quá trình điều tra, bị can Phan Minh X thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số 19/CT-VKS ngày 01 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Q đã truy tố bị cáo Phan Minh X về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Phan Minh X với mức án từ 09 đến 12 tháng tù.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 106 Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tuyên trả lại 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại xe Sirius màu xám đen, BKS: 92K1-08364 cho anh Phan Văn Nở. Trả lại cho bà Phạm Thị Q: 02 bao lát màu trắng bên trong có chứa 03 đoạn dây dẫn điện (dây hàn).

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Phạm Thị Q có đơn không yêu cầu đền bù dân sự đối với Phan Minh X. Ngày 22/8/2019, chị Vũ Thị Huyền yêu cầu Phan Minh X đền bù số tiền 2.850.000 đồng (hai triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng) Xuân đã bồi thường xong số tiền mà chị H yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Vào khoảng 21h ngày 01/8/2019, Phan Minh X có mượn xe máy của anh trai là Phan Văn N đến lán trại của bà Phạm Thị Q chơi. Tại đây, lợi dụng lúc ông Nguyễn Minh Tr ngủ, X đã lén trộm cắp tài sản là 3 đoạn dây điện bỏ vào hai bao lác và sau đó dùng xe máy đã mượn của anh trai mình chở đến nhà chị Huyền để bán được 2.850.000đ (Hai triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng) để tiêu xài cá nhân.

Tại Kết luận số 12/KL - HĐĐG ngày 09/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H xác định 03 đoạn dây dẫn điện dùng để hàn nói trên: 11.643.500đ (mười một triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm đồng)

Hành vi trên của bị cáo Phan Minh X đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Q và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Đối với hành vi của bà Vũ Thị H mua 03 cuộn dây điện 38,5kg của Phan Minh X bán, nhưng không biết tài sản trộm cắp mà có nên Cơ quan CSĐT Công an huyện H không xử lý là hợp pháp.

Đối với hành vi của Phan Văn N cho Phan Minh X mượn xe mô tô BKS: 92K1 - 083.64 sử dụng nhưng không biết X sử dụng làm phương tiện để thực hiện hành vi trộm cắp nên Cơ quan CSĐT Công an huyện H không xử lý là hợp pháp.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi trộm cắp của bị cáo đã gây mất an ninh, trật tự tại địa phương, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ.

Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đã tự nguyện bồi thường để khắc phục hậu quả. Tài sản trộm cắp có giá trị không lớn, đã được thu hồi, chưa gây thiệt hại. Tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Với những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu trên, để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h, s khoản 1; Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự (sửa đổi bổ sung năm 2017) xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 08/01/2015, bị Tòa án nhân dân tỉnh Q xử phạt 18 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; Ngày 18/5/2017, bị UBND Thị trấn T,

huyện H, tỉnh Q xử phạt hành chính về hành vi “Cố ý gây tổn hại sức khỏe người khác”. Trong thời gian chuẩn bị xét xử thì bị cáo X bị Công an H ra Lệnh bắt tạm giam về hành vi cố ý gây thương tích. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, do đó cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Vì vậy, cần phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo không có tài sản gì. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại và người có quyền lợi liên quan không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vật chứng vụ án:

Trả lại cho bà Phạm Thị Q: 02 bao lát màu trắng bên trong có chứa 03 đoạn dây dẫn điện.

Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius màu xám đen biển kiểm soát: 92K1 – 083.64 là tài sản hợp pháp của anh Phan Văn N nên cần trả lại.

(Hiện nay, những vật chứng này được mô tả trong Biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Hiệp Đức và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Đức được lập ngày 02/10/2019).

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HS-ST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Phan Minh X phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo Phan Minh X 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Về vật chứng vụ án:

Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tuyên:

Trả cho chủ sở hữu anh Phan Văn N 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius màu xám đen;

Trả cho chủ sở hữu bà Phạm Thị Q 02 bao lát màu trắng bên trong có chứa 03 đoạn dây dẫn điện.

(Hiện nay, những vật chứng này được mô tả trong Biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Hiệp Đức và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Đức được lập ngày 02/10/2019).

Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 buộc bị cáo Phan Minh X phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hc;
- TAND tỉnh Q;
- Công an huyện H ;
- Chi cục THADS huyện H;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ + án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tiến Lãnh

